

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2022/HS-PT

Ngày: 22 – 6 – 2022.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các thẩm phán:

Ông Trần Nam Phương

Bà Phạm Thị Xuân Đào

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 143/2022/TLPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị Ngọc Đ** (tên gọi khác: không), sinh năm 1974 tại tỉnh An Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã An Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: 32 Hà Huy Giáp, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có chồng Nguyễn Văn B (đã ly hôn), hiện chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Minh T, sinh

năm 1964 và có 02 con, lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có bị hại nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/6/2021, Nguyễn Thị Ngọc Đ đi đến cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Hoàn Thảo T (tại địa chỉ 12/1, khu phố Nhất Hòa, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) để mua hàng hóa, khi vào trong cửa hàng tìm hàng hóa để mua thì Đ nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của chị T để trên kệ đựng hũ tiêu, lợi dụng lúc chị T sơ hở Đ lén lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi áo rồi đi ra trả tiền mua hàng, sau đó Đ đi về.

Sau khi mất tài sản, chị T kiểm tra camera an ninh trong cửa hàng tạp hoá thì phát hiện Đ là người đã lấy trộm chiếc điện thoại trên nên Trâm yêu cầu Đ trả lại nhưng Đ không thừa nhận. **Chị T** đã đến Công an phường H trình báo.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 do Đ giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 342/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 có giá 13.081.500 đồng (mười ba triệu không trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng).

Tại Bản án số: 60/2022/HSST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án

Ngoài ra bản án còn tuyên, tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ làm đơn kháng cáo xin hưởng án treo, tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 06 (sáu) tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo nêu các tình tiết giảm nhẹ là cha có công với cách mạng, hiện nuôi mẹ già yếu của anh T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu thể hiện: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/6/2021, tại cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Hoàn Thảo T tại địa chỉ 12/1, khu phố Nhất Hòa, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thị Ngọc Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Hoàn Thảo T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 có giá trị tài sản được định giá là 13.081.500 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cấp sơ thẩm đã xác định trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 06 (sáu) tù là đã có xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không nặng như đơn kháng cáo bị cáo nêu.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp 01 bản phô tô Huân chương kháng chiến hạng nhất của cha bị cáo là ông Nguyễn Văn H, bị cáo trình bày phải chăm sóc mẹ anh T hiện già yếu nhưng không có giấy xác nhận của địa phương. Các tình tiết giảm nhẹ này cũng chỉ là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, như đã phân tích trên, mức án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đã có xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 60/2022/HSST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Bị cáo bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. B (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Công an TP. B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. B.
- Bị cáo; UBND xã Xuân Bảo.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên